TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **328**/2023/KDTM-PT
Ngày: 21/03/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhàn

Các Thẩm phán: Bà Hà Thanh Thủy

Bà Nguyễn Thu Chinh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Kim Oanh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: ông Trần Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 161/2022/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Do Bản án sơ thẩm số 218/2022/KDTM-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 224/2023/QĐXX-PT ngày 31 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1772/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X; Địa chỉ: 9/35 H, PhườngM, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Hà Thảo V, sinh năm 1995 (Theo Giấy ủy quyền ngày 17/5/2022).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1996 (Theo Giấy ủy quyền ngày 18/6/2022).

Cùng địa chỉ liên hệ: 9/35 H, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M; Địa chỉ: Tầng 7 Toà nhà S 326 K, Phường G, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1996 (Theo Giấy ủy quyền ngày 15/6/2022); Địa chỉ: 34 Đường 12 phường T, Tp. Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, tại các bản khai và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm những người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X và Bị đơn - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M có ông Vũ Mạnh C chức vụ Trưởng ban kiểm soát chi phí đại diện ký kết Hợp đồng dịch vụ số 036-2019/NKID/PROCUREMENT/LIENHIEPXANH ngày 01/7/2019 về việc cung cấp dịch vụ vệ sinh định kỳ tại các trung tâm/văn phòng Tiniworld khu vực miền Nam.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng việc cung cấp nhân sự, thiết bị dụng cụ hoá chất để thực thi hợp đồng đã ký kết. Nguyên đơn đã xuất đầy đủ các hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền 227.521.800 đồng (bao gồm Hóa đơn GTGT số 0001385 ngày 09/6/2021 trị giá 31.941.800 đồng; Hóa đơn GTGT số 0001238 ngày 09/3/2021 trị giá 25.661.900 đồng; Hóa đơn GTGT số 0001199 ngày 01/02/2021 trị giá 69.337.400 đồng; Hóa đơn GTGT số 0001340 ngày 14/5/2021 trị giá 60.537.400 đồng; Hóa đơn GTGT số 0001311 ngày 20/4/2021 trị giá 40.043.300 đồng) và đã giao toàn bộ hồ sơ chứng từ thanh toán cho Bị đơn qua đường bưu điện. Theo thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng "*Thời hạn thanh toán: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bên mua nhận đầy đủ chứng từ thanh toán và bên mua xác nhận qua email đồng ý với toàn bộ số liệu, hóa đơn, chứng từ do nhà cung cấp gửi*".

Ngày 27/01/2022, Bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn 10.000.000 đồng. Ngày 22/02/2022, sau khi kiểm tra và đối chiếu hồ sơ thanh toán ông Vũ Mạnh C đã đại diện Bị đơn ký xác nhận Biên bản xác nhận công nợ số 30/BB-LHX/2022 theo đó xác nhận tính đến ngày 22/02/2022 Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền công nợ của năm 2021 là 217.521.800 đồng. Cùng ngày 22/02/2022, tại Biên bản cuộc họp, Nguyên đơn yêu cầu chậm nhất ngày 25/02/2022 Bị đơn phải thanh toán hết toàn bộ công nợ nhưng ông Vũ Mạnh C đề nghị mỗi tháng thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, Bị đơn có thanh toán thêm 02 lần là 10.000.000 đồng vào ngày 25/02/2022 và 10.000.000 đồng vào ngày 25/3/2022 thì ngưng thanh toán cho đến nay. Như vậy, Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền 197.521.800 đồng.

Nhận thấy Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Nguyên đơn nên ngày 20/4/2022 Nguyên đơn đã ban hành Công văn số 100/CV-LHX-2022 thông báo chấm dứt hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với Bị đơn kể từ ngày 20/4/2022 cho đến khi Bị đơn hoàn tất việc thanh

toán khoản nợ trước ngày 30/4/2022. Đồng thời thông báo dư nợ gốc tính đến ngày 20/4/2022 của Bị đơn đối với Nguyên đơn là 197.521.800 đồng.

Đến nay, Bị đơn vẫn không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho Nguyên đơn, do đó Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt Hợp đồng dịch vụ số 036-2019/NKID/PROCUREMENT/LIENHIEPXANH ngày 01/7/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn, yêu cầu Bị đơn thanh toán ngay một lần số tiền 197.521.800 đồng cho Nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả, tiền phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 5.1 của Hợp đồng.

** Tại các bản khai và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm người đại diện hợp pháp của Bị đơn trình bày:*

Bị đơn xác nhận ngày 01/7/2019 ông Vũ Mạnh C chức vụ Trưởng ban kiểm soát chi phí đại diện cho Bị đơn ký Hợp đồng dịch vụ số 036-2019/NKID/PROCUREMENT/LIENHIEPXANH với Nguyên đơn.

Tuy nhiên, đối với Biên bản cuộc họp và Biên bản xác nhận công nợ cùng ngày 22/02/2022 thì Bị đơn không có ủy quyền cho ông Vũ Mạnh C để ký kết 02 văn bản này, Bị đơn cũng không tìm thấy văn bản gốc trong hồ sơ lưu trữ.

Qua kiểm tra, toàn bộ các hồ sơ về quá trình nghiệm thu, đối chiếu công nợ của Nguyên đơn hiện nay Bị đơn không có lưu trữ do nhân viên phụ trách đã nghỉ việc. Hồ sơ do phía Nguyên đơn giao nộp cho Tòa án còn thiếu, chưa đầy đủ cụ thể thiếu biên bản nghiệm thu theo từng tháng, tổng giá trị các biên bản nghiệm thu mà Nguyên đơn cung cấp không khớp với giá trị thể hiện trên đề nghị thanh toán và hóa đơn giá trị gia tăng; thiếu bảng kê đính kèm theo từng hóa đơn (nội dung của các hóa đơn tháng 02, 3, 4, 5/2021 nêu rõ mỗi hóa đơn đều đính kèm một bảng kê chi tiết). Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Bị đơn đồng ý chấm dứt Hợp đồng mà hai bên đã ký kết, nhưng đối với khoản tiền mà Nguyên đơn yêu cầu thanh toán thì Bị đơn không đồng ý vì chưa có cơ sở kiểm chứng số liệu công nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 22/02/2022.

Bị đơn xác nhận có thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 25/02/2022 và 10.000.000 đồng vào ngày 25/3/2022 từ tài khoản của Công ty.

Trong vụ án này, Bị đơn không có yêu cầu gì đối với việc ông Vũ Mạnh C về việc đại diện công ty ký xác nhận tại Biên bản xác nhận công nợ ngày 22/02/2022. Ông C giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát tài chính phụ trách toàn bộ hoạt động của phòng tài chính, mọi hoạt động chi thanh toán của Công ty sau khi ông C kiểm tra thì vẫn phải có ý kiến của ông Thomas Joseph V duyệt mới được chi theo quy định.

Tại Bản án sơ thẩm số 218/2022/KDTM-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X:

2. Chấm dứt Hợp đồng dịch vụ số 036-2019/NKID/PROCUREMENT/LIENHIEPXANH ngày 01/7/2019 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X.

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M thanh toán toàn bộ số tiền 197.521.800 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi mốt ngàn, tám trăm đồng) cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X chỉ yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, không yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 5.1 của Hợp đồng sử dụng dịch vụ cũng như tiền lãi chậm trả tính đến thời điểm xét xử.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 30/9/2022 Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do bản án đã tuyên chưa phù hợp với tình hình thực tế của vụ tranh chấp và của quy định pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm xử lại theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa Phúc thẩm:*

Đại diện người kháng cáo Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M là Bị đơn trình bày những nội dung kháng cáo như sau: Theo những nội dung Bị đơn đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghic Hội đồng xét xử đánh giá lại toàn bộ vụ án để sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán số tiền 197.521.800 đồng.

Phía người đại diện Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X *là Nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của Bị đơn. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Xét đơn kháng cáo còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức đúng quy định. Kháng cáo của Bị đơn là không có cơ sở nên đề nghị bác toàn bộ kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía Nguyên đơn và Bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật Tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Phạm vi kháng cáo: Tại đơn kháng cáo Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M (Bị đơn) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm Bị đơn xác định kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 197.521.800 đồng.

[4] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở xác định như sau:

[5] Hợp đồng dịch vụ số 036-2019/NKID/PROCUREMENT/LIENHIEPXANH ngày 01/7/2019 về việc cung cấp dịch vụ vệ sinh định kỳ, ký giữa Nguyên đơn và Bị đơn được giao kết tự nguyện, có hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[6] Nguyên đơn trình bày quá trình thực hiện hợp đồng theo đã cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu của phía Bị đơn và đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ theo hợp đồng. Tuy nhiên phía Bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền là 197.521.800 đồng.

[7] Chứng cứ do Nguyên đơn xuất trình là:

(1) 05 tờ hóa đơn: Hóa đơn GTGT số 0001385 ngày 09/6/2021 trị giá 31.941.800 đồng; Hóa đơn GTGT số 0001238 ngày 09/3/2021 trị giá 25.661.900 đồng; Hóa đơn GTGT số 0001199 ngày 01/02/2021 trị giá 69.337.400 đồng; Hóa đơn GTGT số 0001340 ngày 14/5/2021 trị giá 60.537.400 đồng; Hóa đơn GTGT số 0001311 ngày 20/4/2021 trị giá 40.043.300 đồng;

(2) Biên bản xác nhận công nợ số 30/BB-LHX/2022 theo đó xác nhận tính đến ngày 22/02/2022 Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền công nợ của năm 2021 là 217.521.800 đồng;

(3) Biên bản cuộc họp cùng ngày 22/02/2022, thể hiện: nội dung phía Bị đơn đề nghị mỗi tháng thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, Bị đơn có thanh toán thêm 02 lần là 10.000.000 đồng vào ngày 25/02/2022 và 10.000.000 đồng vào ngày 25/3/2022 thì ngưng thanh toán cho đến nay.

[8] Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm phía Bị đơn không thừa nhận chứng cứ do Nguyên đơn xuất trình là Biên bản cuộc họp và Biên bản xác nhận công nợ cùng ngày 22/02/2022 với lý do người ký biên bản là ông Vũ Mạnh C không có Giấy ủy quyền từ người đại diện theo pháp luật của Bị đơn để ký 02 văn bản này.

[9] Xét thấy:

[10] Biên bản xác nhận công nợ ngày 22/02/2022 do ông Vũ Mạnh C chức danh "Trưởng ban kiểm soát chi phí" đại diện Bị đơn (Công ty) ký tên và có đóng dấu tròn pháp nhân của Bị đơn ký với Nguyên đơn, biên bản có nội dung xác nhận: *"Tổng công nợ năm 2021: 227.521.800 đồng (bao gồm VAT); Số tiền bên B đã thanh toán: 10.000.000 đồng ngày 17/01/2022*";

[11] Biên bản họp ngày 22/02/2022 do ông Vũ Mạnh C đại diện Bị đơn (Công ty) ký tên có nội dung: căn cứ biên bản xác nhận công nợ cùng ngày ông C đề nghị " *Lộ trình thanh toán là 10.000.000 đồng mỗi tháng; Nếu kinh doanh hoạt động trở lại bình thường thì sẽ thanh toán tiền công nợ nhiều hơn hiện tại*";

[12] Cùng với việc người đại diện hợp pháp của Bị đơn tại tòa đã xác nhận có thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 25/02/2022 và 10.000.000 đồng vào ngày 25/3/2022 từ tài khoản của Công ty. Qua đó thể hiện việc Bị đơn biết và không phản đối những nội dung mà ông C đã nhân danh Bị đơn làm việc và thỏa thuận với Nguyên đơn tại Biên bản xác nhận công nợ và Biên bản họp cùng ngày 22/02/2022. Việc Bị đơn nại lý do các Biên bản không thể hiện việc ông C đã được người đại diện theo pháp luật của Bị đơn ủy quyền ký, nên Biên bản này không có giá trị pháp lý là không phù hợp với nguyên tắc thiện chí và trung thực trong giao dịch dân sự. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xác định Biên bản xác nhận công nợ và Biên bản họp cùng ngày 22/02/2022 là chứng cứ vụ án là đúng với quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các lý do mà Bị đơn nêu ra để không thừa nhận chứng cứ này là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[13] Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện Bị đơn đã thừa nhận có sử dụng 05 tờ hóa đơn giá trị gia tăng mà Nguyên đơn phát hành để kê khai thuế. Tuy nhiên, Bị đơn không thừa nhận giá trị chứng cứ của 05 tờ hóa đơn này khi Nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho nghĩa vụ thanh toán của Bị đơn đối với số tiền được ghi cụ thể trên 05 tờ hóa đơn này, với các lý do như: không tìm được bản sao trong lưu trữ do nhân viên phụ trách đã nghỉ việc, hồ sơ do phía Nguyên đơn giao nộp cho Tòa án còn thiếu, chưa đầy đủ, thiếu bảng kê đính kèm theo từng hóa đơn...

*[14]*Xét thấy:

[15] Tại công văn số 48176/CCTQ1-KK-KTT-TH ngày 25/8/2022 của Chi cục thuế Quận 1 trả lời xác minh của Tòa án nhân dân Quận 1 đã xác định Bị đơn đã sử dụng 05 tờ Hóa đơn này để kê khai khấu trừ thuế. Do vậy, đủ cơ sở để xác định Bị đơn đã biết cụ thể từng khoản tiền mà phía Nguyên đơn yêu cầu thanh toán (vì được ghi trên từng hóa đơn) từ thời điểm Nguyên đơn phát hành hóa đơn sau cùng là tháng 6/2021;

[16] Theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng thể hiện như sau: trong thời hạn 05 kể từ ngày nhận hồ sơ do Nguyên đơn gửi, Bị đơn sẽ kiểm tra và phản hồi về chứng từ, số liệu…Trường hợp không đồng ý chứng từ số liệu Nguyên đơn gửi, hai bên sẽ làm việc với nhau để thống nhất và Nguyên đơn sẽ điều chỉnh, xuất lại Hóa đơn, chứng từ;

[17] Như vậy tại thời điểm nhận Hóa đơn, Bị đơn đã không thắc mắc về chứng từ, số liệu và đã sử dụng các Hóa đơn để khai thuế, nên sau thời điểm này theo Điều 02 Hợp đồng thì Bị đơn mất quyền quyền thắc mắc, về chứng từ, số liệu;

[18] Do vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xác định 05 tờ Hóa đơn giá trị gia tăng do Nguyên đơn xuất trình là chứng cứ vụ án là đúng với quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các lý do mà Bị đơn nêu ra để không thừa nhận chứng cứ này là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[19] Với những tài liệu chứng cứ mà Nguyên đơn xuất trình nêu trên đã có đủ cơ sở để xác định rằng Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền 197.521.800 đồng. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, nên bản án cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn trả số tiền còn nợ 197.521.800 đồng là đúng quy định, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nghĩ nên giữ nguyên.

[20] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[21] Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo nên được giữ nguyên.

[22] Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X:

Chấm dứt Hợp đồng dịch vụ số 036-2019/NKID/PROCUREMENT/LIENHIEPXANH ngày 01/7/2019 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X.

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M thanh toán toàn bộ số tiền 197.521.800 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi mốt ngàn, tám trăm đồng) cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X chỉ yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, không yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 5.1 của Hợp đồng sử dụng dịch vụ cũng như tiền lãi chậm trả tính đến thời điểm xét xử.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M phải chịu án phí là 9.876.090 đồng (Chín triệu, tám trăm bảy mươi sáu, nghìn, chín mươi đồng). Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.938.045 đồng (Bốn triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, bốn mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0005917 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

3. Về án phí tranh chấp kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ M phải chịu là 2.000.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004886 ngày 04/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.1;
- Chi cục THADS Q.1;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thanh Nhàn